UỶ BAN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1051 /QĐ-UBND	*Lạng Sơn, ngày 10 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị 22 điểm di tích quốc gia Khu di tích Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 29/6/2001; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa ngày 18/6/2009;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh;

Căn cứ Công văn số 4931/BVHTTDL-DSVH ngày 08/12/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc thẩm định nhiệm vụ lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị 22 điểm di tích xếp hạng di tích quốc gia Khu di tích Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1.2000;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 80/TTr-SVHTTDL ngày 30/6/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ và dự toán chi phí lập Quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị 22 điểm di tích quốc gia Khu di tích Chi Lăng, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn như sau:

1. Phạm vi, quy mô, ranh giới lập quy hoạch

a) Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch gồm có diện tích khoảng 2.428,83 ha, trong đó:

- Ranh giới lập quy hoạch 22 điểm di tích quốc gia diện tích khoảng **49,66 ha** (Diện tích này sau khi đã rà soát thực tế các điểm di tích và kết hợp hồ sơ lập nhiệm vụ của 24 điểm di tích quốc gia đặc biệt).

- Phạm vi ranh giới 24 điểm di tích quốc gia đặc biệt và phạm vi nghiên

cứu kết nối vùng không gian cảnh quan còn lại có diện tích khoảng 2.379,17 ha.

b) Phạm vi lập quy hoạch có diện tích khoảng 49,664 ha:

- Cụm 08 di tích lịch sử cấp quốc gia tại thị trấn Chi Lăng: Cầu Quan Âm; Thành Lũy Kai Kinh; Lũng Ngần; Chợ Quận Công; Chùa Nái; Núi Bàn cờ; Núi Tay Ngai; Lân Ba Tài.

- Cụm 08 di tích lịch sử cấp quốc gia tại xã Chi Lăng: Hòn đá mổ lợn; Lò gạch cổ; Đình làng Trung; Quảng trường Đồng Đĩnh; Làng Đồn; Quán Thanh; Vực ải gốc Lý; Xóm gốc gạo.

- Cụm 05 di tích lịch sử cấp quốc gia tại thị trấn Đồng Mỏ: Núi Hòn Ngọc; Chùa Hang; Bến Tuần; Thành phủ Tràng Khánh; Làng Lìu.

- Cụm di tích lịch sử cấp quốc gia tại xã Mai Sao: Đền Hổ Lai.

c) Ranh giới lập quy hoạch

- Phía Bắc giáp xã Nhân Lý, huyện Chi Lăng.

- Phía Nam giáp xã Hòa Lạc và xã Yên Sơn, huyện Hữu Lũng.

- Phía Đông giáp xã Quan Sơn, huyện Chi Lăng và xã Tân Sơn, xã Cấm Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

- Phía Tây giáp xã Thượng Cường, xã Hòa Bình và xã Y Tịch, huyện Chi Lăng.

2. Đối tượng nghiên cứu lập quy hoạch

- Quần thể 22 điểm di tích cấp quốc gia thuộc quần thể di tích Chi Lăng. Các điểm di tích thuộc địa giới thị trấn Chi Lăng, xã Chi Lăng, thị trấn Đồng Mỏ và xã Mai Sao, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn.

- Không gian cảnh quan, môi trường sinh thái xung quanh di tích; các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể và di sản tư liệu gắn với di tích. Công tác quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Các yếu tố đô thị, kinh tế - xã hội, dân cư trong khu vực nghiên cứu; các thể chế chính sách liên quan; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, tình hình sử dụng đất khu vực xung quanh di tích.

- Mối liên hệ với các di tích, công trình, địa điểm du lịch và di sản văn hóa trong khu vực để kết nối, phát triển du lịch.

3. Mục tiêu lập quy hoạch

- Xác định phạm vi và biện pháp bảo quản, tu bổ, phục hồi các yếu tố gốc của di tích trong một khu vực xác định, định hướng tổ chức không gian các hạng mục công trình xây dựng mới, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật và tạo lập môi trường cảnh quan thích hợp trong khu vực di tích; giáo dục truyền thống yêu nước, lòng tự hào dân tộc, uống nước nhớ nguồn cho các thế hệ người Việt Nam; với hai bộ phận cấu thành là cảnh quan sinh thái và các địa điểm lịch sử;

- Phát huy giá trị khu di tích Chi Lăng, để khu di tích trở thành điểm du lịch lịch sử - văn hóa hấp dẫn. Kết nối 22 điểm di tích cấp Quốc gia với 24 điểm di tích Quốc gia đặc biệt trong hệ thống 46 điểm di tích để trở thành mạng/chuỗi

điểm liên hoàn giúp hình dung rõ bức tranh toàn cảnh về trận địa tại Chi Lăng. Đồng thời kết nối với các di tích, điểm du lịch khác của tỉnh Lạng Sơn, tạo thành chuỗi sản phẩm sáng tạo của loại hình dịch vụ văn hóa, các sản phẩm du lịch hấp dẫn cũng như các mô hình du lịch phù hợp phong phú, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Làm căn cứ pháp lý cho công tác quản lý và triển khai các dự án thành phần về đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, bảo quản, tu bổ phục hồi di tích theo quy hoạch được phê duyệt. Xây dựng quy định và giải pháp quản lý, kiểm soát không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan khu vực di tích.

4. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch chủ yếu

a) Phương pháp nghiên cứu lập quy hoạch:

- Phương pháp điều tra, khảo sát thực địa, thu thập tài liệu: tổ chức các chuyến khảo sát thực địa để thu thập và kiểm tra lại những thông tin quan trọng cần thiết cho quá trình phân tích, đánh giá, xử lý các tài liệu và số liệu. Thu thập những tài liệu, số liệu, những thông tin có liên quan đến nội dung và đối tượng nghiên cứu trong quy hoạch làm cơ sở cho việc phân tích, đánh giá tổng hợp các nội dung và đối tượng nghiên cứu.

- Phương pháp bản đồ: trên cơ sở kết quả các nội dung phân tích, đánh giá, tổng hợp của quy hoạch sẽ được cụ thể trên hệ thống bản vẽ quy hoạch.

- Phương pháp chuyên gia: tham vấn ý kiến của các chuyên gia có kinh nghiệm trong việc bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Phương pháp tiếp cận văn hóa: nghiên cứu, tìm hiểu lịch sử hình thành di tích và các yếu tố văn hóa - xã hội liên quan đến di tích.

b) Yêu cầu nghiên cứu, khảo sát liên quan đến nội dung quy hoạch:

- Đối với toàn bộ khu di tích:

+ Khảo sát, điều tra, sưu tầm tài liệu, tổng hợp các dữ liệu, số liệu về lịch sử, văn hóa của di tích; chụp ảnh, phân tích đánh giá kiến trúc của các công trình; khảo sát đo đạc địa hình tỷ lệ 1/2000 phạm vi quy hoạch.

+ Khảo sát tình trạng kỹ thuật của các hạng mục công trình tại di tích.

+ Khảo sát các di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu gắn với di tích.

+ Khảo sát, đánh giá các yếu tố thiên nhiên hiểm trở tạo thành trận địa mai phục đánh chặn viện binh trong đó thung lũng Chi Lăng có vai trò đặc biệt quan trọng.

+ Khảo sát hiện trạng và đánh giá hiệu quả công tác quản lý, bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; tình hình đầu tư các dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi các di tích trong giai đoạn trước đây, các dự án hỗ trợ phát huy giá trị di tích.

+ Khảo sát hiện trạng và đánh giá hiệu quả hoạt động du lịch và các hoạt động văn hóa khác tại khu di tích.

+ Khảo sát, đánh giá các hoạt động sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng, các lễ hội truyền thống, phong tục tập quán địa phương.

- Đối với khu vực lập quy hoạch:

+ Khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất, cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu vực quy hoạch; hiện trạng kiến trúc, xây dựng đối với các công trình trong khu vực bao quanh khu di tích.

+ Khảo sát hệ thống giao thông và những áp lực đô thị lên di tích, nhận diện những nguy cơ xung đột giữa phát triển đô thị và bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích.

+ Khảo sát tính kết nối di tích với các địa phương lân cận trong khu vực nghiên cứu.

- Đối với công tác khảo sát đo đạc địa hình:

+ Tiến hành đo đạc bản đồ địa hình đúng tỷ lệ, hoặc cập nhật, rà soát các bản đồ đã có tại khu vực quy hoạch (bản đồ địa chính, bản đồ hiện trạng sử dụng đất, các bản đồ khác liên quan).

+ Bản đồ đo đạc địa hình khu vực quy hoạch, cần thể hiện đầy đủ các nội dung sau: thể hiện đường bao công trình trên đất, hệ thống thủy văn, hệ thống công trình gắn với di tích, hệ thống cây xanh, khuôn viên, sân, đường giao thông, cầu, cống... đường địa giới hành chính các cấp. Ngoài ra cần thu thập thông tin và xác định vị trí tất cả các công trình ngầm và nổi trong khu vực khảo sát. Phối hợp với chủ đầu tư, chính quyền địa phương xác định vị trí các công trình trong khu vực khảo sát.

c) Xác định đặc trưng và giá trị của di tích:

- Đánh giá các đặc trưng, ý nghĩa lịch sử di tích gắn với các chiến thắng vang dội trong lịch sử đấu tranh giành chiến thắng chống giặc ngoại xâm bảo vệ nền độc lập tự chủ của đất nước.

- Đánh giá các đặc trưng, ý nghĩa lịch sử di tích của Chi Lăng là khu vực gắn với nhiều dấu tích văn hóa từ thời tiền sử và các giai đoạn lịch sử. Nhiều di tích tôn giáo, tín ngưỡng có liên quan tới chiến thắng Chi Lăng cùng các địa điểm gắn liền với các sự kiện lịch sử vẫn được bảo tồn.

d) Xác định quan điểm của quy hoạch.

- Quy hoạch bảo quản di tích lịch sử là hoạt động nhằm phòng ngừa và hạn chế những nguy cơ làm hư hỏng mà không làm thay đổi những yếu tố nguyên gốc vốn có của di tích lịch sử, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, đưa Khu di tích Chi Lăng trở thành nơi giới thiệu và tôn vinh văn hóa, lịch sử Việt Nam gắn với các thể chế văn hóa làng xã của đất nước, giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống vẻ vang của cha ông.

- Quy hoạch tu bổ di tích lịch sử là hoạt động nhằm tu sửa, gia cố, tôn tạo di tích lịch sử, giữ lại tối đa những yếu tố nguyên gốc của di tích, đem lại những giá trị nhất định của di tích lịch sử nhằm trở thành nơi giới thiệu và tôn vinh văn hóa, lịch sử Việt Nam gắn với các thể chế văn hóa làng xã của đất nước, giáo dục thế hệ trẻ về truyền thống vẻ vang của cha ông.

- Quy hoạch phục hồi và phát huy giá trị di tích lịch sử là hoạt động nhằm phục dựng lại di tích lịch sử đã bị huỷ hoại do quá trình xâm lấn hay ngoại

cảnh....và trên cơ sở các cứ liệu khoa học về di tích lịch sử - văn hoá, danh lam thắng cảnh đó. Đưa Khu di tích Chi Lăng trở thành điểm du lịch lịch sử - văn hóa hấp dẫn, kết nối với các di tích, điểm du lịch khác của tỉnh Lạng Sơn để tạo chuỗi sản phẩm du lịch phong phú, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Quy hoạch xác định các khu chức năng, khu dân cư, khu vực bảo vệ cảnh quan, môi trường. Tổ chức không gian và bố trí hệ thống hạ tầng giao thông, kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn bảo tồn và phát huy giá trị di tích.

- Quy hoạch định hướng kế hoạch, lộ trình và nhóm giải pháp tổng thể quản lý, đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích.

- Là căn cứ pháp lý cho công tác quản lý và triển khai các dự án thành phần bảo tồn và phát huy giá trị di tích theo đồ án quy hoạch được duyệt. Xây dựng quy định quản lý, kiểm soát không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan khu vực di tích và các giải pháp quản lý, bảo vệ di tích.

đ) Đề xuất nội dung định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích; định hướng tổ chức không gian kiến trúc, cảnh quan và xây dựng công trình mới.

- Định hướng bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích:

+ Bảo vệ, phục hồi cảnh quan thiên nhiên tại các địa điểm lịch sử.

+ Nghiên cứu đề xuất định hướng và các nhóm giải pháp cụ thể về bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích: lập danh mục các đối tượng di tích cần bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng hạng mục; xác định nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; biện pháp quản lý và bảo vệ đối với cổ vật tại di tích.

+ Đề xuất nghiên cứu khảo cổ học bổ sung trong khu vực di tích nếu có: cần có kế hoạch khảo cổ học bổ sung theo các giai đoạn và các đối tượng cần thực hiện để có thêm các dữ liệu lịch sử để bảo tồn và phát huy giá trị được đầy đủ hơn.

+ Căn cứ vào hiện trạng của 22 điểm di tích, đề nghị nghiên cứu cụ thể định hướng, giải pháp với nhóm các di tích có hiện trạng kiến trúc, xây dựng công trình để bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích. Cụ thể nhóm các công trình như sau:

* Nhóm công trình có thể bảo quản, tu bổ, phục hồi: Cầu Quan Âm, Thành luỹ Cai Kinh.

* Nhóm các công trình có thể phục hồi để phát huy giá trị di tích: Chợ Quận Công, Chùa Nái, Lò gạch cổ, Đình Làng Trung, Quảng Trường Đồng Đĩnh, Chùa Hang, Bến Tuần, Đền Hổ Lai.

- Định hướng phát huy giá trị di tích:

+ Đề xuất định hướng tổ chức sự kiện tại khu di tích, ưu tiên lựa chọn sự kiện văn hóa quan trọng, có ý nghĩa (tổ chức trưng bày giới thiệu về các danh nhân trong lịch sử gắn với khu vực...); định hướng chỉnh lý trưng bày và sưu tầm bổ sung hiện vật.

+ Nghiên cứu, bổ sung các dự án để thiết lập các chuỗi điểm nhấn, kết hợp với quần thể 24 điểm di tích quốc gia đặc biệt Chi Lăng và các di tích lân cận nhằm tạo ấn tượng cho du khách trên toàn bộ tuyến từ điểm đầu đến điểm cuối của di tích, qua đó góp phần nâng cao ý nghĩa giáo dục về lịch sử truyền thống hào hùng của dân tộc. Bổ sung các hoạt động, sản phẩm du lịch, dịch vụ để khai thác phát huy giá trị di tích.

+ Đề xuất giải pháp ứng dụng công nghệ khoa học trong phát huy giá trị di tích như ứng dụng công nghệ 4.0, sử dụng công nghệ thực tế ảo, cung cấp cho du khách sự trải nghiệm thực tế ảo về di tích, đặc biệt là các trận đánh chiến thắng giặc ngoại xâm.

+ Đề xuất giải pháp phát huy các giá trị văn hóa phi vật thể tại di tích.

e) Định hướng phân khu chức năng, tổ chức không gian:

- Đề xuất về việc điều chỉnh ranh giới các khu vực bảo vệ di tích (Khu vực bảo vệ I và II) và khu vực đệm (nếu có) phù hợp với thực tế quản lý và phát huy giá trị di tích; xác định phân vùng chức năng, khu vực cần giải tỏa các vi phạm lấn chiếm di tích và phương án tái định cư (nếu có); vùng cảnh quan thiên nhiên cần được bảo vệ (đồi núi, hang động, sông ngòi); khu vực hạn chế, kiểm soát phát triển và cho phép xây dựng mới.

- Định hướng bảo tồn, tôn tạo không gian kiến trúc cảnh quan trong khu vực quy hoạch; xác định danh mục các hạng mục di tích cần được bảo quản, tu bổ, phục hồi và mức độ bảo quản, tu bổ, phục hồi đối với từng hạng mục di tích; nguyên tắc và giải pháp cơ bản đối với việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; biện pháp quản lý và bảo vệ đối với di vật, đồ vật, đồ thờ... tại các điểm di tích; các công trình phụ trợ cần thiết phải xây dựng mới nhằm phục vụ việc bảo vệ và phát huy giá trị di tích.

- Nghiên cứu, tổ chức lại tuyến giao thông kết nối giữa các điểm di tích bảo đảm phục vụ tốt hơn nhu cầu tham quan, nghiên cứu của Nhân dân và khách du lịch; bố trí giao thông tĩnh và các khu dịch vụ; xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đồng bộ cho tổng thể khu di tích.

- Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững; tổ chức các sự kiện văn hóa, lịch sử, tôn giáo, lễ hội….gắn với di tích và không gian cảnh quan; xác định tuyến du lịch kết nối quần thể di tích với các điểm di tích quốc gia đặc biệt và vùng phụ cận (nếu có).

- Đánh giá tác động môi trường của quy hoạch. Đề xuất cơ chế và giải pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường, các danh mục đầu tư xây dựng đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường di tích hiệu quả và tiết kiệm.

g) Định hướng xây dựng hạ tầng kỹ thuật: định hướng tổ chức giao thông trong di tích và với các khu vực chức năng xung quanh di tích; định hướng cải tạo, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực.

- Nghiên cứu quy hoạch lại không gian, tạo cảnh quan đẹp phù hợp với di tích; nghiên cứu việc triển khai các hoạt động phát huy giá trị di tích, khai thác du lịch tại đây, góp phần vào việc kết nối với các chức năng khác trong thị trấn.

- Nghiên cứu đề xuất khu vực hoạt động dịch vụ phục vụ khách tham quan.

- Nghiên cứu tổ chức bãi đỗ xe để giải quyết các loại phương tiện khi dừng, đỗ cho du khách tham quan di tích.

- Nghiên cứu giải pháp tổ chức giao thông công cộng đảm bảo thuận tiện và an toàn cho khách tham quan.

- Đề xuất các giải pháp nâng cấp hạ tầng cơ sở khác tại khu di tích: giao thông đối ngoại, đường nội bộ trong khu di tích, chuẩn bị kỹ thuật, cấp nước, cấp điện, thông tin liên lạc, phòng cháy chữa cháy, thoát nước thải, thu gom xử lý chất thải rắn; kết nối và khai thác di tích với khu vực bên ngoài.

h) Định hướng phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch:

- Định hướng tổ chức sự kiện tại di tích, ưu tiên lựa chọn sự kiện văn hóa quan trọng, có ý nghĩa; đề xuất giải pháp kiểm soát và điều tiết lượng khách du lịch để không ảnh hưởng tới việc bảo tồn di tích và hoạt động kinh tế - xã hội của khu vực xung quanh di tích.

- Đề xuất các tour, tuyến du lịch kết nối di tích với 24 điểm di tích quốc gia đặc biệt và các địa danh du lịch trọng điểm khác của tỉnh Lạng Sơn.

- Nghiên cứu định hướng việc sáng tạo sản phẩm du lịch, các mặt hàng lưu niệm có chất lượng, mang ý nghĩa văn hóa đặc trưng gắn với di tích.

- Nghiên cứu gắn phát triển định hướng di tích gắn với du lịch phát triển nông nghiệp địa phương.

+ Nghiên cứu xây dựng cơ sở dữ liệu số liên quan đến di tích tạo cơ sở khoa học để bảo tồn, quản lý di tích và phát triển các sản phẩm du lịch chất lượng cao.

- Căn cứ vào hiện trạng của 22 điểm di tích, nghiên cứu cụ thể định hướng, giải pháp với nhóm các di tích không có hiện trạng kiến trúc, xây dựng công trình, các di tích ở dạng hình thái tự nhiên như núi, sông, đầm....để phục hồi và phát huy giá trị di tích. Cụ thể nhóm các công trình như sau: Thành Luỹ Kai Kinh, Lũng Ngần, Núi bàn Cờ, Núi Tay Ngai, Lân Ba Tài, Hòn đá mổ lợn, Làng Đồn, Quán Thanh, Vực ải gốc Lý, Xóm gốc Gạo, Núi Hòn Ngọc, Thành phủ Tràng Khánh, Làng Lìu.

- Định hướng một số điểm di tích ở trạng thái tự nhiên như núi, sông, đầm...cảnh quan đã bị biến đổi do quá trình phát triển kinh tế xã hội, thực trạng đang phát triển nông nghiệp gắn với trồng cây ăn quả.

- Đánh giá định hướng các nội dung phát triển kinh tế - xã hội ở các điểm di tích với việc thích ứng biến đổi khí hậu.

- Đánh giá định hướng các chỉ tiêu chung về kinh tế - xã hội của địa phương gắn với việc phát huy giá trị di tích.

i) Đánh giá tác động môi trường:

Dự báo tác động môi trường khu vực di tích và phụ cận bảo đảm bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích, gìn giữ được giá trị cảnh quan sinh thái tự nhiên khu vực quy hoạch. Tập trung vào các nội dung chính sau:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên.

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường (đặc biệt là môi trường văn hóa); đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch.

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường khi triển khai thực hiện quy hoạch.

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

k) Đề xuất cơ chế, chính sách quản lý quy hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch, quy chế quản lý việc xây dựng các công trình trong khu vực quy hoạch

- Đề xuất các giải pháp quản lý, cơ chế thực hiện, các chính sách ưu tiên bảo tồn, phát huy giá trị di tích; cơ chế phối hợp liên ngành, bảo đảm triển khai thành công quy hoạch.

- Xác định yêu cầu, tiêu chí lựa chọn danh mục các dự án đầu tư, danh mục các nhóm dự án thành phần, bao gồm: Nhóm dự án giải phóng mặt bằng và cắm mốc giới bảo vệ di tích; nhóm dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích; nhóm dự án xây dựng các công trình phụ trợ, dịch vụ và công trình hạ tầng kỹ thuật; nhóm dự án phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững. Phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên và nguồn vốn đầu tư phù hợp với từng thời kỳ quy hoạch.

- Xác định danh mục dự án đầu tư sử dụng vốn ngân sách nhà nước, dự án sử dụng các nguồn huy động hợp pháp khác bảo đảm phù hợp khả năng cân đối ngân sách địa phương và ngân sách trung ương cho từng giai đoạn. Làm rõ cơ sở đề xuất vốn ngân sách trung ương để thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch.

- Đề xuất cơ chế, chính sách quản lý quy hoạch, giải pháp thực hiện quy hoạch, quy chế quản lý xây dựng các công trình trong khu vực quy hoạch, bao gồm: Giải pháp về quản lý; giải pháp về huy động nguồn lực bảo vệ di tích; giải pháp tuyên truyền, huy động sự tham gia của cộng đồng; giải pháp phát triển nguồn nhân lực quản lý và bảo vệ di tích và các giải pháp khác.

l) Kế hoạch thực hiện quy hoạch di tích:

- Thời kỳ và tầm nhìn của quy hoạch: thời kỳ quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Thời kỳ và tầm nhìn của quy hoạch: với quy mô và tính chất là di tích cấp quốc gia xác định kế hoạch và lộ trình thực hiện quy hoạch đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định kế hoạch công tác cắm mốc giới cho khu vực bảo vệ di tích sau khi có quyết định phê duyệt quy hoạch và các hoạt động khác theo quy định; Kế hoạch triển khai các dự án tổng thể về đầu tư xây dựng, phát triển không gian và hạ tầng kỹ thuật.

- Đề xuất danh mục các nhóm dự án thành phần, phân kỳ đầu tư, thứ tự ưu tiên đầu tư phù hợp với từng thời kỳ quy hoạch và khả năng đảm bảo nguồn lực

thực hiện.

- Đề xuất nguồn vốn, giải pháp huy động các nguồn lực, phân bổ nguồn vốn, lộ trình đầu tư và các giải pháp quản lý, cơ chế thực hiện, phối hợp liên ngành bảo đảm triển khai thành công quy hoạch.

5. Hồ sơ sản phẩm quy hoạch và tổ chức thực hiện

a) Hình thức, quy cách thể hiện bản đồ, thành phần hồ sơ sản phẩm quy hoạch bảo đảm tuân thủ theo quy định tại Luật Di sản văn hóa; Nghị định số 166/2018/NĐ-CP ngày 25/12/2018 của Chính phủ quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và các quy định pháp luật khác có liên quan. Cụ thể:

- Thuyết minh tổng hợp đồ án quy hoạch; Tờ trình phê duyệt quy hoạch và dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch.

- Hệ thống bản đồ, bản vẽ, bao gồm:

+ Bản đồ vị trí di tích và mối liên hệ với di tích khác trong khu vực nghiên cứu quy hoạch, tỷ lệ 1:5.000 - 1:15.000.

+ Bản đồ xác định khu vực bảo vệ và cắm mốc giới di tích; khu vực cần giải tỏa vi phạm di tích, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ hiện trạng về sử dụng đất, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật và bản đồ quy hoạch xây dựng khu vực đã được phê duyệt, tỷ lệ 1:2.000.

+ Bản đồ xác định khu vực bảo vệ và cắm mốc giới di tích; khu vực cần giải tỏa vi phạm di tích, tỷ lệ 1:2.000.

+ Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng; phương án quy hoạch bảo quản, tu bổ, phục hồi và phát huy giá trị di tích, tỷ lệ 1/2000.

+ Bản đồ định hướng tổ chức không gian, kiến trúc, cảnh quan, xây dựng công trình mới, tỷ lệ 1/2000.

+ Các bản đồ quy hoạch hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/2000.

- Bản chụp các văn bản liên quan kèm theo, gồm: ý kiến của tổ chức, cá nhân có liên quan và cộng đồng tại khu vực lập quy hoạch; Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ lập quy hoạch; văn bản thẩm định đồ án Quy hoạch di tích và các văn bản khác có liên quan.

- Hồ sơ lưu trữ quy hoạch theo quy định của pháp luật về lưu trữ (bao gồm cả định dạng tài liệu điện tử đối với các thành phần hồ sơ nêu trên).

b) Tổ chức thực hiện:

- Tiến độ: thời gian lập quy hoạch không quá 18 tháng kể từ khi Nhiệm vụ quy hoạch được phê duyệt.

- Tổ chức thực hiện:

+ Cấp phê duyệt: Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn.

+ Cơ quan thẩm định: Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Chủ đầu tư: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ Đơn vị lập nhiệm vụ quy hoạch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng và Quy hoạch đô thị.

+ Đơn vị lập quy hoạch: Tổ chức lựa chọn đơn vị tư vấn theo quy định hiện hành của pháp luật.

6. Kinh phí lập quy hoạch:

a) Dự toán chi phí lập quy hoạch: 2.024.814.000 đồng.

(Có dự toán chi tiết kèm theo Quyết định này).

b) Nguồn vốn: Nguồn ngân sách tỉnh.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao thông vận tải, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Lạng Sơn, Chủ tịch UBND huyện Chi Lăng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 2;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Kinh tế -Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh, các phòng CM, Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(HVTr).

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

Dương Xuân Huyên